

Chính sách phát triển du lịch theo hướng bền vững tại Việt Nam

Nguyễn Thị Hoài Thu¹

Ngành du lịch Việt Nam với vai trò là ngành kinh tế mũi nhọn, đóng góp ngày càng lớn cho tăng trưởng của kinh tế quốc dân. Năm 2024, cả nước đón khoảng 17,5 - 17,6 triệu lượt khách quốc tế, với tổng doanh thu từ khách du lịch đạt 840 nghìn tỷ đồng. Trong 8 tháng đầu năm 2025, lượng khách quốc tế tiếp tục đạt 13,9 triệu lượt, tăng 21,7% so với cùng kỳ năm trước, riêng tháng 8/2025 đạt 1,68 triệu lượt người, với doanh thu lũy hành ước đạt 61.200 tỷ đồng; doanh thu từ dịch vụ lưu trú và ăn uống đạt 552,4 nghìn tỷ đồng, tăng 14,7%. Những con số này cho thấy sức bật lớn của ngành, song cũng đặt ra thách thức không nhỏ khi sự phát triển nóng gây áp lực lên tài nguyên, môi trường và hạ tầng tại nhiều điểm du lịch. Cùng với đó, hạn chế về chất lượng nguồn nhân lực, năng suất lao động, vấn đề về môi trường... đặt ra nhiệm vụ phát triển du lịch theo hướng bền vững, vừa bảo đảm tăng trưởng kinh tế, vừa gìn giữ bản sắc văn hóa và bảo vệ môi trường. Do đó, bài viết tập trung phân tích một số vấn đề về chính sách phát triển du lịch bền vững, từ đó đề xuất một số giải pháp phát triển du lịch bền vững tại Việt Nam

Từ khóa: Du lịch; Hoạch định chính sách; Phát triển bền vững

1. Khái quát về chính sách phát triển du lịch bền vững

Khái niệm phát triển bền vững được chính thức đề cập trong Báo cáo Brundtland (1987), theo đó phát triển bền vững là quá trình “đáp ứng nhu cầu hiện tại mà không làm tổn hại đến khả năng đáp ứng nhu cầu của các thế hệ tương lai”. Trong lĩnh vực du lịch, Tổ chức Du lịch Thế giới (UNWTO, 2022) định nghĩa du lịch bền vững là sự phát triển đáp ứng nhu cầu của du khách và ngành du lịch trong khi vẫn bảo đảm duy trì các giá trị văn hóa – xã hội, bảo tồn tài nguyên thiên nhiên và mang lại lợi ích kinh tế lâu dài cho cộng đồng. Như vậy, bản chất của du lịch bền vững là sự cân bằng hài hòa giữa ba trụ cột: kinh tế, xã hội và môi trường.

Chính sách phát triển du lịch bền vững được hiểu là tổng thể các chủ trương, định hướng, văn bản pháp lý, chiến lược và chương trình do Nhà nước ban hành nhằm định hình quá trình phát triển ngành du lịch theo nguyên tắc bền vững. Các nội dung chính của chính sách bao gồm: (i) chính sách kinh tế nhằm thúc đẩy tăng trưởng, khuyến khích đầu tư, phát triển hạ tầng và chuyển đổi số trong du lịch; (ii) chính sách xã hội hướng đến việc tạo việc làm, tăng cường sự tham gia của cộng đồng, bảo

¹ Thạc sĩ kinh tế

tồn và phát huy giá trị văn hóa; (iii) chính sách môi trường tập trung vào bảo vệ tài nguyên, giảm thiểu tác động tiêu cực, khuyến khích các mô hình du lịch xanh và sinh thái; và (iv) chính sách quản trị với mục tiêu hoàn thiện thể chế, nâng cao năng lực quản lý, thúc đẩy hợp tác công – tư, liên kết vùng và hợp tác quốc tế. Chính sách du lịch bền vững, vì vậy, không chỉ giới hạn ở lĩnh vực quản lý nhà nước mà còn là công cụ định hướng sự tham gia của các tác nhân liên quan, bao gồm doanh nghiệp, cộng đồng và du khách.

Để đánh giá mức độ bền vững trong các chính sách phát triển du lịch, thường sử dụng hệ thống tiêu chí sau:

- (1) Tiêu chí kinh tế: tỷ trọng đóng góp vào GDP, tốc độ tăng trưởng doanh thu du lịch, khả năng tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, mức độ thu hút vốn đầu tư.
- (2) Tiêu chí xã hội: sự tham gia và hưởng lợi của cộng đồng địa phương, mức độ bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, tính công bằng trong tiếp cận và thụ hưởng lợi ích từ du lịch, tác động đến chất lượng đời sống xã hội.
- (3) Tiêu chí môi trường: hiệu quả sử dụng và quản lý tài nguyên du lịch, tỷ lệ xử lý chất thải và giảm thiểu ô nhiễm, mức độ bảo tồn đa dạng sinh học, khả năng ứng phó với biến đổi khí hậu.

Ngoài ra còn sử dụng tiêu chí quản trị, đó là mức độ đồng bộ, minh bạch và khả thi của hệ thống chính sách, năng lực quản lý và giám sát của các cơ quan nhà nước, sự phối hợp giữa các cấp, ngành và địa phương.

2. Thực trạng chính sách phát triển du lịch theo hướng bền vững tại Việt Nam giai đoạn 2015 - 2024

2.1. Thực trạng chính sách

Giai đoạn 2015 - 2024, Nhà nước Việt Nam đã ban hành một loạt văn bản quan trọng nhằm định hướng phát triển du lịch theo hướng bền vững. Trước hết, Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16/01/2017 của Bộ Chính trị xác định du lịch là ngành kinh tế mũi nhọn, đồng thời nhấn mạnh yêu cầu phát triển bền vững, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa, di sản, gắn với bảo vệ môi trường và lợi ích cộng đồng. Tiếp đó, Luật Du lịch 2017 (số 09/2017/QH14) đã thể chế hóa các quan điểm phát triển bền vững, trong đó Điều 4 quy định phát triển du lịch bền vững là nguyên tắc cơ bản, Điều 8 nhấn mạnh yêu cầu bảo vệ môi trường du lịch, và Điều 19 lần đầu tiên đưa du lịch cộng đồng vào khuôn khổ pháp luật. Trên cơ sở đó, Chính phủ đã ban hành Chiến

lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045 (Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 22/01/2020), với mục tiêu đưa du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, đóng góp 15–17% GDP, tạo ra khoảng 8,5 triệu việc làm, đón ít nhất 50 triệu lượt khách quốc tế, đồng thời định hướng phát triển các sản phẩm du lịch xanh, du lịch cộng đồng và du lịch thông minh dựa trên nền tảng chuyển đổi số. Gần đây nhất, Quy hoạch hệ thống du lịch thời kỳ 2021–2030, tầm nhìn đến năm 2045 (Quyết định số 509/QĐ-TTg ngày 13/6/2024) tiếp tục khẳng định quan điểm phát triển du lịch gắn với tăng trưởng xanh, bảo tồn di sản, ứng phó biến đổi khí hậu và hội nhập quốc tế, đồng thời xác định các vùng động lực, khu du lịch quốc gia và tuyến du lịch chính để phát triển có trọng tâm, trọng điểm.

Bảng 1. Tổng hợp các chính sách phát triển du lịch theo hướng bền vững của Việt Nam giai đoạn 2015-2025

STT	Tên văn bản, số hiệu	Cơ quan ban hành	Ngày ban hành	Các điều khoản chính về Phát triển Bền vững
1	Luật Du lịch 2005 (Số 44/2005/QH11)	Quốc hội	14/06/2005	- Điều 5: Nêu nguyên tắc phát triển du lịch bền vững theo quy hoạch, kế hoạch. - Điều 15: Quy định về bảo vệ, tôn tạo và khai thác hợp lý tài nguyên du lịch
2	Nghị quyết 08- NQ/TW	Bộ Chính trị	16/01/2017	- Quan điểm: Phát triển du lịch bền vững; bảo tồn, phát huy di sản văn hóa; bảo vệ môi trường. - Nhiệm vụ: Cơ cấu lại ngành Du lịch đảm bảo phát triển bền vững.

3	Luật Du lịch 2017 (Số 09/2017/QH14)	Quốc hội	19/06/2017	- Điều 4: Nâng phát triển bền vững thành nguyên tắc cốt lõi. - Điều 8: Quy định cụ thể về bảo vệ môi trường du lịch theo hướng xanh, sạch, đẹp - Điều 19: Quy định riêng về phát triển du lịch cộng đồng.
4	Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030 (Quyết định 147/QĐ-TTg)	Thủ tướng Chính phủ	22/01/2020	- Quan điểm: Phát triển du lịch bền vững và bao trùm trên nền tảng tăng trưởng xanh. - Định hướng: Phát triển sản phẩm du lịch xanh, du lịch cộng đồng, ứng dụng công nghệ.
5	Quy hoạch hệ thống du lịch thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 (Quyết định 509/QĐ-TTg)	Thủ tướng Chính phủ	13/06/2024	- Mục tiêu: Du lịch phát triển theo hướng tăng trưởng xanh, tối đa hóa đóng góp cho các mục tiêu phát triển bền vững của Liên hiệp quốc. - Quan điểm: Gắn phát triển du lịch với bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu.

Nguồn: Tác giả tổng hợp

2.2. Kết quả thực hiện các chính sách phát triển du lịch theo hướng bền vững của Việt Nam giai đoạn 2015-2024

Giai đoạn 2015- 2024, hệ thống chính sách phát triển du lịch theo hướng bền vững của Việt Nam đã phát huy tác động tích cực, tạo nền tảng pháp lý, kinh tế và xã hội quan trọng cho sự phát triển ngành. Tuy nhiên, khoảng cách giữa chính sách và thực thi vẫn còn lớn, thể hiện ở việc nhiều địa phương chưa thực hiện hiệu quả các quy định về bảo vệ môi trường, phát triển sản phẩm xanh còn manh mún, và nguồn nhân lực chưa đáp ứng yêu cầu hội nhập. Điều này cho thấy, để phát huy đầy đủ vai trò của chính sách, cần tiếp tục tăng cường giám sát thực thi, huy động nguồn lực xã hội và mở rộng sự tham gia của cộng đồng. Kết quả cụ thể theo các trụ cột của phát triển bền vững như sau:

(1) Kết quả về mặt kinh tế: Nhờ các chính sách đồng bộ từ Nghị quyết 08-NQ/TW, Luật Du lịch 2017 đến Chiến lược phát triển du lịch 2030, ngành du lịch Việt Nam đã đạt được bước tăng trưởng ấn tượng. Năm 2019, trước khi đại dịch COVID-19 bùng phát, Việt Nam đón 18 triệu lượt khách quốc tế và 85 triệu lượt khách nội địa, tổng thu từ du lịch đạt 726 nghìn tỷ đồng, đóng góp trực tiếp 9,2% GDP. Sau giai đoạn suy giảm mạnh 2020–2021, chính sách mở cửa từ 2022 đã giúp ngành nhanh chóng phục hồi: năm 2023, Việt Nam đón 12,6 triệu lượt khách quốc tế; đến năm 2024, con số này tăng lên 17,5–17,6 triệu lượt, đạt gần mức kỷ lục 2019. Doanh thu từ dịch vụ lưu trú và ăn uống năm 2024 ước đạt 733,9 nghìn tỷ đồng, tăng 12,9% so với năm 2023. Những kết quả này khẳng định vai trò của chính sách trong việc khôi phục và thúc đẩy tăng trưởng ngành, đóng góp ngày càng lớn cho nền kinh tế.

(2) Kết quả về mặt xã hội: Các chính sách du lịch bền vững đã góp phần tạo thêm nhiều việc làm và cải thiện thu nhập cho người dân. Theo báo cáo của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, đến năm 2023, ngành du lịch Việt Nam tạo việc làm trực tiếp cho khoảng 2,5 triệu lao động và gián tiếp cho hơn 5 triệu lao động trong các lĩnh vực liên quan. Việc thể chế hóa du lịch cộng đồng trong Luật Du lịch 2017 đã tạo điều kiện cho hàng nghìn hộ gia đình tham gia phát triển mô hình homestay, du lịch sinh thái tại các địa phương như Sa Pa (Lào Cai), Mai Châu (Hòa Bình), Cù Lao Chàm (Quảng Nam). Điều này không chỉ giúp nâng cao đời sống của người dân, mà còn tăng cường sự tham gia của cộng đồng trong phát triển du lịch, qua đó đảm bảo tính công bằng và bao trùm.

(3) Kết quả về môi trường và tài nguyên: Các văn bản chính sách đã từng bước đặt ra yêu cầu quản lý và bảo vệ môi trường du lịch. Nhiều địa phương đã triển khai mô

hình du lịch xanh, giảm thiểu rác thải nhựa, tiêu biểu như Hội An với chương trình “Nói không với túi ni lông”, hay Phú Quốc với chiến dịch “Đảo ngọc không rác thải nhựa”. Việc đưa yếu tố môi trường vào Luật Du lịch 2017 và Chiến lược 2030 đã nâng cao nhận thức của cả chính quyền, doanh nghiệp và cộng đồng về trách nhiệm bảo vệ môi trường. Tuy nhiên, kết quả đạt được vẫn còn hạn chế so với yêu cầu, khi tại nhiều điểm đến tình trạng ô nhiễm rác thải, quá tải hạ tầng vẫn diễn ra, cho thấy chính sách mới dừng ở định hướng, chưa phát huy đầy đủ hiệu quả trong thực tiễn.

Ngoài ra, các chính sách còn có tác động về quản trị và hội nhập quốc tế: Chính sách phát triển du lịch bền vững cũng đã góp phần nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế. Trong bảng xếp hạng năng lực cạnh tranh du lịch toàn cầu của Diễn đàn Kinh tế Thế giới (WEF), Việt Nam đã tăng 20 bậc giai đoạn 2019–2021, trở thành một trong ba quốc gia có mức tăng trưởng nhanh nhất. Bên cạnh đó, các chính sách về chuyển đổi số và phát triển du lịch thông minh đã giúp nhiều địa phương như Đà Nẵng, Quảng Ninh, TP. Hồ Chí Minh tiên phong áp dụng công nghệ trong quản lý điểm đến, quảng bá trực tuyến và cải thiện trải nghiệm du khách.

2.3. Đánh giá chung

- Kết quả đạt được

Việt Nam đã xây dựng được hệ thống chính sách và pháp lý tương đối đồng bộ, từ Nghị quyết 08-NQ/TW (2017), Luật Du lịch 2017 đến Chiến lược 2030 và Quy hoạch 2045. Chuỗi chính sách này thể hiện sự cam kết chính trị mạnh mẽ và tầm nhìn chiến lược rõ ràng đối với phát triển du lịch bền vững, tiệm cận các chuẩn mực quốc tế.

Chính sách đã mang lại tác động tích cực về kinh tế – xã hội. Trước đại dịch, ngành du lịch đạt mức tăng trưởng kỷ lục với 18 triệu khách quốc tế (2019), đóng góp 9,2% GDP. Sau đại dịch, chính sách mở cửa và kích cầu đã giúp phục hồi nhanh, đạt khoảng 17,5 triệu khách quốc tế năm 2024.

Luật Du lịch 2017 đưa “*du lịch cộng đồng*” thành sản phẩm được luật hóa, góp phần tạo sinh kế mới, giảm nghèo, nâng cao đời sống người dân ở nhiều địa phương như Hà Giang, Hội An - Trà Quế .

Các chính sách gần đây đã nhấn mạnh yếu tố môi trường và phát triển xanh, thúc đẩy một số mô hình thành công như “*Hội An nói không với túi ni lông*” hay “*Trà Quế – Làng du lịch tốt nhất thế giới 2024*”. Những mô hình này khẳng định hiệu quả của định hướng phát triển du lịch gắn với bảo tồn tài nguyên và giá trị bản địa.

- *Một số hạn chế:*

+ Dù văn bản định hướng rõ ràng, nhưng việc triển khai tại địa phương còn thiếu đồng bộ. Công tác giám sát, chế tài xử phạt vi phạm môi trường chưa nghiêm, khiến tình trạng xả thải, xây dựng trái phép, du lịch quá tải diễn ra phổ biến .

+ Áp lực môi trường và hiện tượng quá tải du khách (overtourism): Nhiều điểm đến như Hạ Long, Sa Pa, Phú Quốc thường xuyên vượt quá sức chứa về hạ tầng và môi trường, dẫn đến ô nhiễm, suy giảm tài nguyên, xung đột xã hội với cộng đồng địa phương.

+ Hạn chế về hạ tầng du lịch: Chỉ số hạ tầng dịch vụ du lịch của Việt Nam bị xếp hạng thấp (80/119 theo World Economic Forum – Diễn đàn Kinh tế Thế giới), thiếu bãi đỗ xe, nhà vệ sinh công cộng đạt chuẩn, hệ thống biển báo chưa đồng bộ, làm giảm trải nghiệm du khách .

+ Nguồn nhân lực là nút thắt cổ chai: Lao động du lịch thiếu cả về số lượng và chất lượng. Năng suất lao động khách sạn Việt Nam chỉ bằng 1/15 so với Singapore và 1/5 so với Malaysia. Đào tạo còn nặng lý thuyết, thiếu gắn kết với doanh nghiệp, dẫn đến phần lớn sinh viên ra trường phải đào tạo lại .

+ Vai trò của doanh nghiệp và cộng đồng địa phương chưa được phát huy đầy đủ: Một số mô hình du lịch cộng đồng thành công, nhưng việc nhân rộng còn hạn chế do thiếu cơ chế hỗ trợ, trao quyền và kết nối thị trường .

3. Một số giải pháp hoàn thiện chính sách phát triển du lịch bền vững tại Việt Nam trong thời gian tới

Chính sách phát triển du lịch bền vững tại Việt Nam giai đoạn qua đã tạo dựng được nền tảng pháp lý và định hướng chiến lược quan trọng. Tuy nhiên, việc triển khai còn hạn chế do thiếu đồng bộ, nguồn lực chưa tương xứng và sự tham gia của cộng đồng, doanh nghiệp còn yếu. Trong giai đoạn tới, cần ưu tiên hoàn thiện khung pháp lý, phát triển hạ tầng và sản phẩm xanh, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tăng cường sự tham gia của cộng đồng, bảo vệ môi trường và mở rộng hợp tác quốc tế. Chỉ khi chính sách đi liền với thực thi hiệu quả, du lịch Việt Nam mới có thể phát triển bền vững, nâng cao năng lực cạnh tranh, và thực sự trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, đóng góp tích cực cho sự phát triển đất nước.

Thứ nhất, cần tiếp tục rà soát và hoàn thiện hệ thống pháp luật, văn bản quy phạm pháp luật về du lịch theo hướng: Bổ sung quy định cụ thể về trách nhiệm bảo vệ môi trường đối với doanh nghiệp du lịch, cơ sở lưu trú, khu du lịch; tăng cường chế tài

xử phạt các hành vi gây ô nhiễm, phá vỡ cảnh quan. Đồng bộ hóa chính sách giữa trung ương và địa phương, bảo đảm các quy hoạch, chiến lược phát triển du lịch được lồng ghép trong quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế – xã hội, quy hoạch vùng và địa phương. Thể chế hóa cơ chế hợp tác công – tư (PPP) trong phát triển hạ tầng du lịch, đặc biệt là hạ tầng xanh, hạ tầng xử lý rác thải, giao thông kết nối và công nghệ số. Quy định rõ ràng hơn về du lịch cộng đồng và du lịch sinh thái: cơ chế hỗ trợ tín dụng, đào tạo kỹ năng, kết nối thị trường, bảo vệ quyền lợi cộng đồng. Đồng thời nâng cao hiệu quả thực thi chính sách.

Thứ hai, phát triển hạ tầng và sản phẩm du lịch bền vững Đầu tư hạ tầng du lịch xanh: xây dựng các khu xử lý rác thải, nước thải tại điểm du lịch; phát triển hệ thống giao thông công cộng thân thiện môi trường (xe điện, xe buýt xanh) tại các đô thị du lịch lớn như Hà Nội, Đà Nẵng, TP. Hồ Chí Minh. Nâng cấp hạ tầng cơ sở lưu trú theo chuẩn xanh: khuyến khích khách sạn, resort áp dụng tiêu chuẩn quốc tế về tiết kiệm năng lượng, giảm rác thải nhựa, tái chế nước thải. Nhà nước có thể ban hành chứng chỉ “Du lịch xanh” và ưu đãi thuế cho doanh nghiệp đạt chuẩn.

Đa dạng hóa sản phẩm du lịch bền vững: phát triển mạnh du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái, du lịch nông nghiệp và du lịch gắn với di sản văn hóa. Cần hỗ trợ xây dựng thương hiệu địa phương (ví dụ: “Du lịch cộng đồng Sa Pa”, “Hội An – điểm đến xanh”) và kết nối vào chuỗi cung ứng toàn cầu. Ứng dụng chuyển đổi số: đẩy mạnh nền tảng số trong quản lý và quảng bá du lịch, khuyến khích mô hình du lịch thông minh giúp phân luồng khách, giảm quá tải, nâng cao trải nghiệm.

Thứ ba, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao: Nguồn nhân lực là nút thắt quan trọng của du lịch Việt Nam. Chính sách cần tập trung đổi mới hệ thống đào tạo du lịch: gắn kết chặt chẽ giữa cơ sở đào tạo và doanh nghiệp; cập nhật chuẩn nghề du lịch ASEAN (MRA-TP) vào chương trình giảng dạy; tăng cường đào tạo thực hành. Đào tạo chuyên sâu về du lịch bền vững: kiến thức về quản lý môi trường, phát triển cộng đồng, ứng phó biến đổi khí hậu, kỹ năng số. Nâng cao năng lực ngoại ngữ và kỹ năng mềm cho lao động du lịch nhằm đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế. Khuyến khích doanh nghiệp tham gia đào tạo tại chỗ, xây dựng chương trình thực tập, học việc gắn với việc làm chính thức.

Thứ tư, tăng cường sự tham gia của cộng đồng và doanh nghiệp: Trao quyền cho cộng đồng địa phương trong quy hoạch, quản lý và khai thác du lịch, đảm bảo họ được hưởng lợi trực tiếp từ hoạt động du lịch. Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ gia đình tham gia phát triển sản phẩm du lịch bền vững thông qua tín dụng ưu đãi,

tư vấn kỹ thuật và xúc tiến thương mại. Xây dựng cơ chế đối thoại thường xuyên giữa chính quyền – doanh nghiệp – cộng đồng để giải quyết kịp thời vướng mắc, tránh xung đột lợi ích.

Thứ năm, bảo vệ tài nguyên và môi trường du lịch: Xây dựng và triển khai chỉ số đo lường mức độ bền vững cho từng điểm đến, bao gồm tiêu chí về môi trường, xã hội và kinh tế. Tăng cường các chiến dịch giảm rác thải nhựa, áp dụng mô hình “điểm đến không rác thải nhựa” tại các khu du lịch trọng điểm. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ xanh trong xử lý nước thải, chất thải rắn, tiết kiệm năng lượng tại cơ sở lưu trú. Phát triển các khu bảo tồn thiên nhiên kết hợp du lịch sinh thái, đảm bảo khai thác hợp lý và duy trì đa dạng sinh học.

Ngoài ra, hợp tác quốc tế trong xây dựng thực hiện chính sách phát triển du lịch theo hướng bền vững là yếu tố quan trọng: Tăng cường hợp tác với các tổ chức quốc tế để tiếp nhận hỗ trợ kỹ thuật, kinh nghiệm và tài chính cho các dự án du lịch bền vững. Học tập mô hình thành công của các quốc gia như Costa Rica (du lịch sinh thái gắn với bảo tồn rừng), Nhật Bản (du lịch văn hóa – công nghệ), Thái Lan (du lịch cộng đồng). Tích cực tham gia và quảng bá tại các hội chợ, diễn đàn du lịch quốc tế, qua đó nâng cao thương hiệu du lịch Việt Nam gắn với hình ảnh “*điểm đến an toàn, thân thiện, bền vững*”.

Kết luận

Trong giai đoạn 2015 - 2024, hệ thống chính sách phát triển du lịch của Việt Nam đã có bước hoàn thiện quan trọng, thể hiện qua chuỗi văn bản từ Nghị quyết 08-NQ/TW (2017), Luật Du lịch 2017, đến Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030 và Quy hoạch hệ thống du lịch 2021 - 2030, tầm nhìn 2045. Các chính sách này đã xác lập rõ định hướng đưa du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, đồng thời nhấn mạnh yêu cầu phát triển bền vững trên cả ba phương diện: kinh tế, xã hội và môi trường. Thực tiễn triển khai đã mang lại nhiều kết quả tích cực: lượng khách quốc tế và nội địa tăng trưởng nhanh, doanh thu du lịch đóng góp ngày càng lớn cho GDP, việc làm và sinh kế cho cộng đồng được cải thiện, nhận thức về bảo vệ môi trường và phát triển du lịch xanh có nhiều chuyển biến. Tuy vậy, khoảng cách giữa hoạch định chính sách và thực thi vẫn còn đáng kể. Hiện tượng quá tải du lịch, áp lực môi trường, hạ tầng thiếu đồng bộ, năng lực nguồn nhân lực thấp và sự tham gia hạn chế của cộng đồng cho thấy những thách thức lớn trong việc hiện thực hóa mục tiêu phát triển bền vững. Điều này khẳng định rằng, bên cạnh việc tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý, cần đặc biệt chú trọng tới năng lực quản trị, cơ chế giám

sát thực thi, cũng như huy động nguồn lực từ doanh nghiệp, cộng đồng và hợp tác quốc tế. Trong thời gian tới, phát triển du lịch Việt Nam theo hướng bền vững không chỉ là yêu cầu khách quan mà còn là con đường tất yếu để nâng cao năng lực cạnh tranh, gìn giữ bản sắc văn hóa, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và đóng góp vào mục tiêu phát triển bền vững quốc gia. Sự kết hợp hài hòa giữa chính sách đúng đắn, triển khai hiệu quả và sự tham gia của toàn xã hội sẽ là chìa khóa để du lịch Việt Nam thực sự trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, phát triển ổn định, lâu dài và bền vững.

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Chính trị, (2017), *Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16/01/2017 về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn*.
2. Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, (2017). *Luật Du lịch số 09/2017/QH14*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.
3. Thủ tướng Chính phủ, (2020), *Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 22/01/2020 phê duyệt Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030*.
4. Thủ tướng Chính phủ, (2024), *Quyết định số 509/QĐ-TTg ngày 13/6/2024 phê duyệt Quy hoạch hệ thống du lịch Việt Nam thời kỳ 2021–2030, tầm nhìn đến năm 2045*.
5. Tổng cục Thống kê, (2025), *Báo cáo tình hình kinh tế – xã hội 8 tháng năm 2025*, NXB Thống kê.
6. Tổng cục Du lịch, (2023), *Báo cáo thường niên Du lịch Việt Nam 2022–2023*, NXB Văn hóa Thông tin.
7. World Economic Forum (WEF), (2021), *Travel and Tourism Development Index 2021: Rebuilding for a Sustainable and Resilient Future*.
8. Nguyễn Văn Đình & Phạm Trung Lương, (2021), *Phát triển du lịch Việt Nam trong bối cảnh mới: Định hướng và giải pháp*. Tạp chí Du lịch, 12(2), 5–14.
9. UNWTO (United Nations World Tourism Organization), (2022), *Tourism for Development – Building Back Better through Sustainability*.